

CHÍNH PHỦ
Số: 171/1999/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 12 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường sông

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

- Nghị định này quy định phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường sông, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ công trình giao thông đường sông.
- Công trình giao thông đường sông bao gồm luồng chạy tàu thuyền, âu thuyền, kè, đập, cảng, bến, kho bãi, phao tiêu báo hiệu và các công trình thiết bị phụ trợ khác trên các sông, kênh, rạch, cửa sông, hồ, vịnh, ven bờ biển, đường ra đảo, đường nối liền các đảo thuộc nội thủy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong Nghị định này gọi chung là công trình giao thông đường thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng các quy định của Nghị định này bao gồm các hệ thống công trình giao thông đường thủy nội địa Trung ương, địa phương, chuyên dùng, kể cả công trình giao thông đường thủy nội địa do các tổ chức, cá nhân trong nước

hoặc nước ngoài đầu tư xây dựng, tự hoàn vốn trên lãnh thổ Việt Nam để phục vụ giao thông công cộng.

Điều 3. Công trình giao thông đường thủy nội địa được bảo vệ bao gồm:

1. Luồng chạy tàu, thuyền được công bố quản lý, khai thác;
2. Kè, đập phục vụ giao thông đường thủy nội địa;
3. Cảng, bến thủy nội địa, khu nước phục vụ khai thác cảng, bến thủy nội địa, âu thuyền, triền kéo tàu qua đập, công trình nâng tàu vượt thác;
4. Báo hiệu đường thủy nội địa, trụ neo, cọc neo, mố thủy chí, mố đo đạc và các công trình thiết bị phụ trợ khác.

Điều 4. Phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa bao gồm phần công trình, hành lang bảo vệ công trình, phần trên không, phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước, phần dưới đáy sông có liên quan đến an toàn công trình và an toàn cho hoạt động giao thông vận tải đường thủy nội địa.

Chương II

GIỚI HẠN PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 5. Giới hạn phạm vi bảo vệ đối với luồng chạy tàu, thuyền quy định như sau:

1. Luồng chạy tàu, thuyền:
 - a) Theo chiều dài: là độ dài luồng chạy tàu, thuyền đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố đưa vào quản lý khai thác giao thông vận tải đường thủy nội địa;
 - b) Theo chiều rộng:

Đối với sông, kênh: theo cấp kỹ thuật đường thủy nội địa;

Đối với hồ, đầm, phá, cửa sông, vịnh: giới hạn bởi báo hiệu đặt tại hai phía của luồng chạy tàu, thuyền.
2. Hàng lang bảo vệ luồng:
 - a) Trường hợp luồng chạy tàu, thuyền không sát bờ, từ mép luồng trở ra mỗi phía:

25 m (hai mươi lăm mét) đối với sông, kênh cấp I, II và hồ vịnh,

15 m (mười lăm mét) đối với sông, kênh cấp III, IV,

10 m (mười mét) đối với sông, kênh cấp V, VI;

- b) Trường hợp luồng chạy tàu, thuyền sát bờ không có đê hoặc đường giao thông trên bờ: 5 m (năm mét) tính từ mép bờ cao trở vào;
- c) Trường hợp luồng chạy tàu, thuyền sát bờ có đê mà hành lang bảo vệ luồng chạy tàu, thuyền trùng với phạm vi bảo vệ đê thì phải tuân theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ đê;
- d) Trường hợp luồng chạy tàu, thuyền sát bờ có đường bộ, đường sắt thì hành lang bảo vệ luồng chạy tàu, thuyền tính từ mép bờ cao trở ra phía sông.

3. Phần trên không, phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước, phần dưới đáy sông: theo cấp kỹ thuật đường thủy nội địa hiện hành.

Điều 6. Giới hạn phạm vi bảo vệ của công trình kè, đập được quy định như sau:

1. Đối với kè:

a) Kè ốp bờ:

Từ đầu kè và từ cuối kè trở về hai phía thượng và hạ lưu, mỗi phía 100 m (một trăm mét),

Từ đỉnh kè trở vào bờ tối thiểu 10 m (mười mét),

Từ chân kè trở ra sông 20 m (hai mươi mét);

b) Kè mỏ hàn:

Từ chân kè (kể cả cụm kè cũng như kè đơn) về hai phía thượng và hạ lưu, mỗi phía 100 m (một trăm mét),

Từ gốc kè trở vào bờ 50 m (năm mươi mét);

Từ chân đầu kè trở ra sông 20 m (hai mươi mét).

2. Đối với đập khoá: từ hai đầu đập về mỗi phía 100 m (một trăm mét) và trờ về hai phía thượng và hạ lưu, mỗi phía 200 m (hai trăm mét).

Điều 7. Giới hạn phạm vi bảo vệ cảng, bến thủy nội địa, khu nước phục vụ neo đậu tránh bão lũ, âu thuyền, triển kéo tàu qua đập, công trình nâng tàu vượt thác là phạm vi vùng đất, vùng nước đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 8. Giới hạn phạm vi bảo vệ báo hiệu đường thủy nội địa, các trụ neo, cọc neo, các mốc thủy chí, mốc đo đạc là 5 m (năm mét) kể từ điểm ngoài cùng của kết cấu trở ra mỗi phía.

Điều 9. Trường hợp đặc biệt, giới hạn hành lang bảo vệ trên bờ của các công trình giao thông đường thủy nội địa trong khu vực thành phố, thị xã, thị trấn, khu tập trung dân cư nhỏ hơn giới hạn hành lang bảo vệ quy định tại Nghị định này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định nhưng không được dưới 5 m (năm mét).

Chương III

PHÂN LOẠI, PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ VỐN ĐẦU TƯ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA

Điều 10. Mạng lưới đường thủy nội địa được phân loại như sau:

1. Hệ thống đường thủy nội địa Trung ương là các tuyến luồng chạy tàu thuyền nối liền các trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội, các đầu mối vận tải thủy quan trọng phục vụ kinh tế, quốc phòng, an ninh quốc gia và các tuyến nối với nước ngoài;
2. Hệ thống đường thủy nội địa địa phương là các tuyến luồng chạy tàu thuyền nằm trong phạm vi của địa phương, chủ yếu phục vụ cho phát triển kinh tế của địa phương đó;
3. Tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng là những tuyến luồng phục vụ cho nhu cầu giao thông vận tải của tổ chức, cơ sở kinh tế, phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường thủy nội địa.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định, công bố và điều chỉnh các hệ thống đường thủy nội địa được quy định như sau:

1. Hệ thống đường thủy nội địa Trung ương và đường thủy nội địa chuyên dùng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định và công bố;
2. Hệ thống đường thủy nội địa địa phương do Chủ tịch Ủy ban Nghị định cấp tỉnh quyết định và công bố.

Điều 12. Nguồn vốn đầu tư cho các công trình giao thông đường thủy nội địa bao gồm:

1. Vốn ngân sách Nhà nước;
2. Nguồn thu phí đường thủy nội địa;
3. Vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

4. Vốn viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài;
5. Các nguồn vốn khác.

Điều 13. Vốn đầu tư cho các công trình giao thông đường thủy nội địa được sử dụng vào các mục đích sau:

1. Phát triển, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông đường thủy nội địa;
2. Quản lý, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất hoặc thay đổi tuyến, luồng chạy tàu, thuyền.

Điều 14. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư cho các công trình giao thông đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách và pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 15.

1. Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài khi hoạt động có liên quan đến hệ thống các công trình giao thông đường thủy nội địa Trung ương, địa phương và chuyên dùng đều phải có trách nhiệm bảo vệ các công trình đó.
2. Đối với công trình giao thông đường thủy nội địa do các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng, tự hoàn vốn trên lãnh thổ Việt Nam thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm tự tổ chức bảo vệ công trình theo quy định của Nghị định này.

Điều 16. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa chủ trì phối hợp với cơ quan địa chính và Ủy ban nhân dân huyện, quận thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) có hành lang luồng chạy tàu thuyền đi qua tiến hành việc đo đạc, cắm mốc chỉ giới phạm vi hành lang bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa trên bờ.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với các đơn vị quản lý đường thủy nội địa quản lý hành lang bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa.